

**BẢNG ĐIỂM****Lớp : Quản trị kinh doanh 5 - K14**

Môn thi: **Những NL cơ bản CN Mác-Lê Nin** Lần thi: **1** Giám thị 1: Tấn 7 Hra Ký tên: Khanh
 Học kỳ: **1** Năm học: **2012 - 2013** Ngày thi: 25/12/12 Giám thị 2: Ng 7 Hra Ký tên: U
 Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: A1.9 Giám thị 3: V. Phelung Ký tên: Phelung
 Tổng số bài: 49 + 58 (A1.12) Số tờ: 58 + 60 (A1.12) Giám thị 4: P. Nguyen Ký tên: Phu
(A1.9) = 107 = 113 M. Tru

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1210090481	Phạm Ngọc	Châm	07/01/1994	<u>nhu</u>	7	6	6,3	Sau, ba
2	1210090482	Nguyễn Ngọc	Chung	26/03/1993	<u>chu</u>	6	6	6	Sau
3	1210090483	Trần Thị Thu	Hằng	28/07/1994	<u>pho</u>	6	4	4,6	bên, sau
4	1210090484	Nguyễn Thị Thái	Huyền	23/07/1994	<u>huy</u>	6	5	5,3	Năm, ba
5	1210090485	Vũ Diễm	Phương	08/02/1992					<u>đ</u>
6	1210090486	Hoàng Mai	Thi	12/05/1994	<u>he</u>	6	6	6	Sau
7	1210090487	Cao Thị Bé	Thùy	05/11/1994	<u>thul</u>	6	4	4,6	bên, sau
8	1210090488	Trần Thị Hồng	Thủy	26/02/1994	<u>th</u>	6	6	6	Sau
9	1210090489	Trương Thị Bích	Thủy	05/01/1994	<u>pho</u>	6	6	6	Sau
10	1210090490	Dương Đức	Tiến	21/02/1993	<u>pho</u>	6	5	5,3	Năm, ba
11	1210090491	Hà Thanh	Tiến	12/09/1994	<u>th</u>	6	3	3,9	ba, chín
12	1210090492	Phan Phước	Tiến	02/03/1993	<u>pho</u>	8	6	6,6	Sau, Sau
13	1210090494	Trần Lý Ngọc	Tiến	04/01/1994	<u>pho</u>	6	3	3,9	Ba, chín
14	1210090495	Dương Hữu	Tiền	1993	<u>pho</u>	6	5	5,3	Năm, ba
15	1210090496	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiền	07/10/1994	<u>nguyen</u>	7	5	5,6	Năm, Sau
16	1210090497	Nguyễn Nữ Nhật	Tiền	19/09/1993	<u>th</u>	6	5	5,3	Năm, ba
17	1210090498	Đinh Thị Thủy	Tiền	01/11/1994	<u>th</u>	7	6	6,3	Sau, ba
18	1210090499	Phạm Thị Mỹ	Tiền	26/04/1994	<u>th</u>	7	7	7	ba, 7
19	1210090500	Nguyễn Minh	Tiến	21/12/1994	<u>th</u>	8	6	6,6	Sau, Sau
20	1210090501	Hoàng Thành	Tín	15/08/1994	<u>th</u>	7	4	4,9	bên, chín
21	1210090502	Đào Nguyễn	Tín	27/08/1994	<u>th</u>	7	4	4,9	bên, chín
22	1210090503	Nguyễn Trung	Tính	20/06/1994	<u>th</u>		3	2,1	hai, một
23	1210090504	Hà Văn	Toàn	10/07/1994	<u>th</u>	8	6	6,6	Sau, Sau
24	1210090505	Nguyễn Hữu	Toàn	25/07/1994	<u>th</u>	6	4	4,6	bên, sau
25	1210090506	Nguyễn Minh	Toàn	20/12/1992	<u>th</u>	7	4	4,9	bên, sau

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1210090507	Thái Văn Bảo	Toàn	22/02/1994	<i>Loan</i>	8	5	5,9	Năm, chín
27	1210090508	Nguyễn Phước	Tường	03/09/1993	<i>P.Tuơng</i>	7	4	4,9	bốn, chín
28	1210090509	Trần Văn	Tứ	28/08/1993	<i>Tu</i>	8	6	6,6	Sáu, sáu
29	1210090510	Mai Phan Bảo	Trâm	25/08/1994	<i>Mu</i>	6	3	3,9	Ba, chín
30	1210090511	Đặng Ngọc	Trâm	19/02/1993	<i>De</i>	6	4	4,6	bốn, sáu
31	1210090512	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/04/1993	<i>Ng</i>		5	3,5	ba, năm
32	1210090513	Nguyễn Thị Hương	Trâm	17/09/1993	<i>Ua</i>	7	4	4,9	bốn, chín
33	1210090514	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	04/04/1994	<i>nam</i>	6	5	5,3	Năm, ba
34	1210090515	Nguyễn Tuyết	Trâm	20/08/1994	<i>Qu</i>	7	5	5,6	Năm, sáu
35	1210090516	Phùng Thị Ngọc	Trâm	20/07/1992	<i>ngtai</i>		5	3,5	ba, năm
36	1210090517	Trần Thị Huyền	Trâm	02/08/1994		7		2,1	đang hai, một
37	1210090518	Huỳnh Ngọc Thanh	Trân	09/06/1994	<i>Tran</i>	6	6	6	Sáu
38	1210090519	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	23/06/1994	<i>Tran</i>	86	4	4,6	bốn, sáu
39	1210090520	Nguyễn Võ Huyền	Trân	28/11/1994	<i>Thayel</i>	8	4	5,2	Năm, hai
40	1210090521	Võ Huỳnh Bảo	Trân	30/10/1994					đang
41	1210090522	Phạm Thị	Trắng	15/04/1994	<i>Pham</i>	6	3	3,9	ba, chín
42	1210090523	Bùi Thị Hồng	Trang	16/02/1994	<i>ht</i>	6	7	6,7	Sáu, bảy
43	1210090524	Bùi Thị Minh	Trang	12/01/1994	<i>Trang</i>	8	5	5,9	Năm, chín
44	1210090525	Huỳnh Thị Thùy	Trang	28/03/1994	<i>Thuy</i>		6	4,2	bốn, hai
45	1210090526	Đào Thị Thảo	Trang	17/06/1994	<i>Tang</i>	7	5	5,6	Năm, sáu
46	1210090527	Ngô Thị Hồng	Trang	25/09/1994	<i>Ng</i>	5	4	4,3	bốn, ba
47	1210090528	Nguyễn Thị	Trang	05/06/1994	<i>Uong</i>	6	5	5,3	Năm, ba
48	1210090529	Nguyễn Thị Hà	Trang	20/02/1994	<i>mu</i>	6	6	6	Sáu
49	1210090530	Nguyễn Thị Thanh	Trang	03/02/1994	<i>ATB</i>	6	6	6	Sáu
50	1210090531	Phạm Thị Thu	Trang	06/04/1994	<i>Thưương</i>	5	5	5	Năm
51	1210090532	Phan Thùy	Trang	27/07/1994	<i>Thuy</i>	5	4	4,3	bốn, ba
52	1210090533	Nguyễn Minh	Trí	24/12/1994	<i>ba</i>	5	7	6,4	Sáu, bốn
53	1210090534	Võ Nguyễn Minh	Trí	02/03/1994					đang
54	1210090535	Lê Nguyễn Bảo	Trinh	05/06/1994	<i>Le</i>	6	5	5,3	Năm, ba
55	1210090536	Lê Thị Huyền	Trinh	04/01/1994	<i>Le</i>	5	5	5	Năm
56	1210090537	Đào Đệ	Trinh	15/03/1994	<i>to</i>	5	5	5	Năm
57	1210090538	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	22/11/1994	<i>Tinh</i>	7	5	5,6	Năm, sáu
58	1210090539	Nguyễn Thị Việt	Trinh	10/02/1994					đang
59	1210090540	Thái Mỹ	Trinh	07/04/1994	<i>Thamyy</i>	5	5	5	Năm
60	1210090541	Võ Thị Việt	Trinh	28/05/1994	<i>Vi</i>	5	5	5	Năm

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
61	1210090542	Lê Phan Thành	Trung	20/02/1994	Trung	6	5	5,3	Năm, ba
62	1210090543	Mai Cảnh	Trung	26/04/1994	Trung	9	3	4,8	bốn, năm
63	1210090544	Đoàn Cao	Trung	10/08/1994	Trung	6	3	3,9	ba, chín
64	1210090545	Đoàn Đức	Trung	27/05/1991		5		1,5	vàng mã, năm
65	1210090546	Trần Văn	Trung	20/05/1994	Trung	7	4	4,9	bốn, chín
66	1210090547	Lê Thị Thanh	Trúc	15/10/1994	KT3	6	5	5,3	Năm, ba
67	1210090548	Lương Thanh	Trúc	03/08/1994	LM	6	6	6	Sáu
68	1210090549	Lê Anh	Tuấn	27/03/1994	Quang	7	5	5,6	Năm, sáu
69	1210090550	Trần Anh	Tuấn	10/11/1994	Tuan	6	3	3,9	Ba, chín
70	1210090551	Trần Phạm Anh	Tuấn	16/02/1994	Phuoc	6	6	6	Sáu
71	1210090552	Trần Thanh	Tuấn	22/02/1994	Phuoc	6	5	5,3	Năm, ba
72	1210090553	Nguyễn Xuân	Tùng	01/09/1994		6		1,8	Một, tám
73	1210090554	Đặng Ngọc	Tú	24/04/1994					V
74	1210090555	Nguyễn Thị Hoàng	Tú	24/03/1994		6		1,8	Một, tám
75	1210090556	Nguyễn Thị Kim	Tú	30/08/1994	Phuoc	7	4	4,9	bốn, chín
76	1210090557	Trần Quốc	Tú	10/11/1994	Quoc	6	7	6,7	Sáu, bảy
77	1210090558	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	16/10/1994	Thuy	6	7	6,7	Sáu, bảy
78	1210090559	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	15/08/1994	Tuyen	6	6	6	Sáu
79	1210090560	Tôn Thị Thanh	Tuyền	18/03/1994	Thuy	6	6	6	Sáu
80	1210090561	Võ Thị Thanh	Tuyền	19/02/1993	Thuy	6	4	4,6	bốn, sáu
81	1210090562	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	28/10/1994	Thuy	6	7	6,7	Sáu, bảy
82	1210090563	Lê Hoàng Thu	Uyên	12/01/1994					V
83	1210090564	Nguyễn Lê	Uyên	02/10/1994	Thuy	6	7	6,7	Sáu, bảy
84	1210090565	Đinh Hạ	Uyên	07/04/1994	Thuy	6	6	6	Sáu
85	1210090566	Trương Thị Tố	Uyên	21/02/1994	Thuy	6	5	5,3	Năm, ba
86	1210090567	Hồng Thanh	Vân	22/04/1994	Thuy	7	5	5,6	Năm, sáu
87	1210090568	Đặng Thảo	Vân	15/10/1993	Thuy	6	7	6,7	Sáu, bảy
88	1210090569	Đào Thị Mộng	Vân	17/10/1993	Thuy	8	5	5,9	Năm, chín
89	1210090570	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1994	Thuy	7	4	4,9	bốn, chín
90	1210090571	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	08/01/1994	Thuy	6	4	4,6	bốn, sáu
91	1210090572	Nguyễn Thị Thu	Vân	17/03/1994	Thuy	6	6	6	Sáu
92	1210090573	Nguyễn Thị Thu	Vân	20/06/1994	Thuy	6	4	4,6	bốn, sáu
93	1210090574	Võ Đặng Hồng	Vân	01/10/1994	Thuy	7	6	6,3	Sáu, ba
94	1210090575	Nguyễn Kim	Vàng	25/07/1992	Thuy	6	7	6,7	Sáu, bảy
95	1210090577	Lê Chí	Vinh	15/06/1993	Thuy		5	3,5	Ba, Năm

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
96	1210090578	Nguyễn Hữu	Vinh	10/11/1994	<i>[Signature]</i>	68	6	6,6	Sau, Sau
97	1210090579	Nguyễn Phát Phú	Vinh	06/01/1994	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
98	1210090580	Trần Phúc	Vĩ	08/05/1994	<i>[Signature]</i>	7	7	7	bay
99	1210090581	Lê Quốc	Vương	06/02/1994	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
100	1210090582	Nguyễn Hồng	Vũ	17/11/1992	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
101	1210090583	Nguyễn Hồng	Vũ	03/07/1993	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
102	1210090584	Nguyễn Hoàng	Vũ	26/09/1994	<i>[Signature]</i>	8	7	7,3	bay, ba
103	1210090585	Nguyễn Xuân	Vũ	24/05/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
104	1210090586	Phạm Ngọc Tấn	Vũ	07/07/1993	<i>[Signature]</i>	6	3	3,9	ba, chín
105	1210090587	Lê	Vy	03/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
106	1210090588	Lê Thị Tường	Vy	09/05/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
107	1210090589	Nguyễn Phương Thúy	Vy	28/09/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
108	1210090590	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	18/10/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
109	1210090591	Nguyễn Thị Yến	Vy	22/12/1994	<i>[Signature]</i>	6	4	4,6	bốn, sáu
110	1210090592	Thái Thị Thanh	Vy	23/09/1993	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
111	1210090593	N Jan Thượng	Vỹ	05/03/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
112	1210090594	Liêu Thanh	Xuân	27/11/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
113	1210090595	Trần Thị Kim	Xuyên	15/05/1994	<i>[Signature]</i>	6	7	6,7	Sau, bay
114	1210090596	Hồ Thị Kim	Yến	20/06/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
115	1210090597	Huỳnh Xuân	Yến	01/04/1994	<i>[Signature]</i>	6	4	4,6	bốn, sáu
116	1210090598	Lê Thị Hoàng	Yến	27/10/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
117	1210090599	Nguyễn Thị Thanh	Yến	31/07/1994	<i>[Signature]</i>	6	5	5,3	Năm, ba
118	1210090600	Võ Thị Ngọc	Yến	08/11/1994	<i>[Signature]</i>	6		4,8	Mười tám

Ngày 26. tháng 3. năm 2013